

# Ngôn ngữ kí hiệu: Con đường lĩnh hội tri thức và phương tiện giao tiếp tối ưu đối với trẻ Điếc

Phạm Thị Trang<sup>1</sup>, Lê Văn Tạc<sup>2</sup>,  
Đỗ Long Giang<sup>3</sup>, Lê Tuấn Đức<sup>4</sup>,  
Nguyễn Thị Bích Trang<sup>5</sup>, Lê Thị Tố Uyên<sup>6</sup>

<sup>1</sup> Email: trangpt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: taclv@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: giangdl@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> ductt@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: trangntb@vnies.edu.vn

<sup>6</sup> Email: uyenlitt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan về ngôn ngữ kí hiệu, vai trò của ngôn ngữ kí hiệu trong quá trình lĩnh hội tri thức và giao tiếp của trẻ Điếc cũng như các điều kiện để phát triển ngôn ngữ kí hiệu sớm cho trẻ, từ đó khẳng định một lần nữa ngôn ngữ kí hiệu là ngôn ngữ mẹ đẻ - ngôn ngữ thứ nhất của người Điếc, là phương tiện ngôn ngữ phù hợp nhất để người Điếc giao tiếp và học tập hiệu quả. Nếu được tiếp cận ngôn ngữ kí hiệu từ sớm trong các môi trường giao tiếp, học tập khác nhau trẻ Điếc sẽ có cơ hội tiếp nhận ngôn ngữ đầu vào một cách đầy đủ thì sẽ thúc đẩy khả năng phát triển ngôn ngữ, khả năng học tập tích cực, hiệu quả và tăng cường cơ hội hòa nhập cộng đồng.

**TỪ KHÓA:** Ngôn ngữ kí hiệu, trẻ Điếc, phát triển ngôn ngữ kí hiệu.

→ Nhận bài 06/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

## 1. Đặt vấn đề

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, hiện nay có khoảng 1,5 tỉ người (20% dân số thế giới) bị suy giảm thính lực, trong đó khoảng 1,16 tỉ người bị suy giảm thính lực ở mức độ nhẹ, khoảng 400 triệu người bị suy giảm thính lực ở mức trung bình đến nặng và 30 triệu người bị suy giảm thính lực ở mức sâu hoặc mất hoàn toàn thính lực cả hai tai. Như vậy, ước tính có khoảng 5.5% dân số thế giới bị suy giảm thính lực từ trung bình đến sâu hoặc mất thính lực hoàn toàn cả hai tai. Tại Việt Nam, theo kết quả Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật năm 2016 - 2017, Việt Nam có 0,22% trẻ bị suy giảm thính lực (trẻ khuyết tật nghe) từ 2 - 17 tuổi.

Trong Báo cáo toàn cầu về thính giác năm 2021 đã phân loại mức độ suy giảm thính lực gồm: Mức độ nhẹ (20 - < 35 dB), mức trung bình (35 - < 50 dB), mức trung bình nặng (50 - < 65 dB), mức nặng (65 - < 80 dB), mức sâu (80 - < 95 dB), mức mất thính lực hoàn toàn/điếc ( $\geq 95$  dB). Trong đó, suy giảm thính lực ở mức độ sâu không thể nghe được âm thanh lời nói trong môi trường tự nhiên và mức độ mất thính lực hoàn toàn không thể nghe được âm thanh môi trường cũng như lời nói. Như vậy, ở mức suy giảm thính lực nặng và sâu, nếu không có sự hỗ trợ của thiết bị trợ thính thì ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) là phương tiện giao tiếp phù hợp nhất. Thậm chí đối với trẻ suy giảm thính lực ở mức độ nặng mà không có thiết bị trợ thính phù hợp thì N NKH sẽ là lựa chọn tối ưu nhất.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp cần thiết mà nó còn là công cụ góp phần phát triển nhận thức, học tập và là nền tảng cho các mối quan hệ xã hội. Nếu không được tiếp cận với ngôn ngữ một cách tích cực

từ sớm thì trẻ điếc sẽ gặp khó khăn, thách thức cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Bởi vậy, trẻ Điếc và gia đình trẻ nên được tiếp cận can thiệp sớm bằng N NKH của quốc gia đó ở trường học, các cơ quan, trung tâm nguồn. Những trung tâm này nên cung cấp cho trẻ môi trường giàu ngôn ngữ nơi mà trẻ có thể tiếp nhận ít nhất một ngôn ngữ tự nhiên phù hợp với độ tuổi và cung cấp cho cha mẹ chương trình giáo dục có sử dụng N NKH để đảm bảo trẻ được tiếp cận tối đa với ngôn ngữ đầu vào trong những năm đầu đời.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Những vấn đề chung về ngôn ngữ kí hiệu

#### 2.1.1. Khái niệm ngôn ngữ

NNKH là ngôn ngữ sử dụng hình dạng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ điệu bộ và sự thể hiện trên khuôn mặt để giao tiếp trao, đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và cảm xúc.

NNKH là ngôn ngữ thứ nhất của cộng đồng người Điếc. Nó là phương tiện giao tiếp phức tạp và toàn diện như bất kì ngôn ngữ nói nào. Đồng thời, nó là phương tiện ngôn ngữ được mã hóa chuyển tải thông tin và được chi phối bởi các quy tắc ngữ pháp. Không giống như các ngôn ngữ nói khác, N NKH truyền tải qua hình ảnh và được gọi là ngôn ngữ thị giác. N NKH được “phát âm” bằng cử chỉ, điệu bộ và được thực hiện bằng những quy tắc ngữ pháp nhất định. Các kí hiệu bằng tay được bổ sung thêm và được bổ nghĩa với cách thể hiện trên nét mặt và cử động của cơ thể. N NKH giúp người Điếc thể hiện mọi thông tin, suy nghĩ, cảm xúc từ đơn giản đến phức tạp, do đó dễ dàng thông hiểu lẫn nhau, dễ truyền thụ kinh nghiệm cho nhau. Có thể nói,

NNKH hoàn toàn thực hiện được chức năng giao tiếp như ngôn ngữ nói, qua đó giúp người Điếc phát triển tri thức, nhận thức được những quy tắc cơ bản trong giao tiếp, những kỹ năng cần thiết của cuộc sống.

**2.1.2. Đặc điểm của ngôn ngữ kí hiệu**

**NNKH có tính tượng hình:** NNKH được phát âm bằng tay và tiếp nhận thông qua mắt. Do vậy, NNKH có tính tượng hình. Các kí hiệu thường có tính chất biểu thị, mô phỏng các sự vật, hiện tượng thông qua đôi bàn tay. Khi làm dấu với tốc độ bình thường thì các kí hiệu được tạo ra nhanh vừa đủ để không bị phát hiện đặc điểm tượng hình.

**NNKH có cấu trúc và hình thái riêng biệt:** NNKH thường có cấu trúc ngữ pháp khác với cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ nói do tính ám chỉ của nó quy định. Ví dụ: Ngôn ngữ nói “Tôi ăn 2 quả táo.” thì NNKH sẽ là “Tôi/ táo/ 2/ ăn.” Như vậy, theo ngữ pháp NNKH thì đối tượng được tác động là “táo” được nhắc đến trước, số lượng rồi mới đến hành động của chủ thể.

**NNKH có tính đa dạng:** Thứ nhất, NNKH thể hiện tính đa dạng ở hình thái NNKH của các vùng miền khác nhau trên thế giới, giữa các quốc gia, dân tộc, và thậm chí giữa các địa phương trên cùng một đất nước. Thứ hai, tính NNKH thể hiện tính đa dạng ở việc sử dụng nhiều hình thức hỗ trợ kèm theo như cử chỉ điệu bộ, chữ cái ngón tay, hình miệng,... Thứ ba, NNKH thể hiện tính đa dạng trong việc một kí hiệu có thể có nhiều nghĩa tùy thuộc vào tình huống, như kí hiệu “sách” có thể có nghĩa là danh từ “quyển sách” nhưng cũng có thể có nghĩa là động từ “mở sách”. Ngược lại, một từ cũng có thể thể hiện bằng nhiều kí hiệu khác nhau. Ví dụ, kí hiệu “tuổi” có thể thể hiện bằng hai cách. Cách 1: Hai tay để hình dạng chữ “a”, lòng bàn tay hướng vào trong, tay phải để trên tay trái, trước ngực. Sau đó chuyển động tay phải một vòng tròn từ ngoài vào trong. Tay phải đặt về vị trí cũ. Cách 2: Tay trái duỗi, lòng bàn tay hướng lên trên. Tay phải duỗi khép, lòng bàn tay hướng vào trong, đặt vuông góc với cánh tay trái. Sau đó di chuyển tay phải về cổ tay trái.

**2.1.3. Các loại kí hiệu**

Có 4 loại kí hiệu chính như sau: Kí hiệu tượng hình, kí hiệu tượng hình gián tiếp, kí hiệu tự ý, kí hiệu quy ước. Các kí hiệu thường thể hiện một số đặc điểm của vật được ám chỉ, dưới dạng hoặc là các đặc tính về mặt thị giác hoặc là về một hành động. Nó có thể như là một biểu tượng của bản thân một vật hoặc một hành động (gọi là một kí hiệu tượng hình “trực tiếp”) hoặc có thể tượng trưng cho một phần hoặc một đặc điểm nào đó liên quan đến vật được ám chỉ (gọi là một kí hiệu tượng hình “gián tiếp”). Ngoài ra, trong quá trình giao tiếp, một số kí hiệu là do người điếc tự tạo ra và quy ước sử

dụng với nhau.

**2.1.4. Các thành tố của ngôn ngữ kí hiệu**

NNKH ở mỗi quốc gia là khác nhau nhưng tựu chung lại thì mỗi kí hiệu có 5 thành tố cơ bản sau đây: 1/ Vị trí làm kí hiệu (Location); 2/ Hình dạng bàn tay (Handshape); 3/ Chuyển động của tay (Movement); 4/ Chiều hướng của lòng bàn tay (Orientation); 5/ Sự diễn tả không bằng tay (Non-manual expression). Sự khác nhau của các thành tố tạo nên sự khác nhau ở mỗi kí hiệu.

**2.1.5. Đặc trưng ngữ pháp của ngôn ngữ kí hiệu**

Mỗi một ngôn ngữ đều được đặc trưng bởi một hệ thống từ vựng và các quy tắc ngữ pháp quy định sự sắp xếp các thành phần trong câu. Cũng giống như bất kì ngôn ngữ nói nào khác, NNKH không chỉ có vốn từ vựng/các kí hiệu phong phú mà còn có các quy tắc ngữ pháp riêng (xem Bảng 1).

**Bảng 1: Một số đặc trưng cấu trúc ngữ pháp của NNKH**

Cấu trúc	Ngôn ngữ nói	NNKH
Câu	Chủ ngữ + động từ + bổ ngữ. Tôi thích màu đỏ.	Chủ ngữ + bổn ngữ + động từ Tôi + màu đỏ + thích.
Cụm từ	Số từ + danh từ 3 quả táo	Danh từ + số từ Quả táo
Từ ghép	Hoa hồng	Hoa hồng
Câu hỏi	Bạn bao nhiêu tuổi?	Bạn + tuổi + bao nhiêu?
Âu phủ định	Tôi không thích màu đỏ.	Tôi + màu đỏ + thích + không.
Tính từ	Từ láy “vui vẻ”	Làm nghĩa gốc của từ “vui”

Rút gọn kí hiệu: Để thuận tiện cho việc giao tiếp, đảm bảo tốc độ truyền đạt thông tin được nhanh gọn nhưng vẫn đầy đủ nghĩa thì người Điếc thường có xu hướng rút gọn như lược bỏ bớt một số thành phần trong câu, kết hợp các kí hiệu, kết hợp tay khi làm kí hiệu.

**2.2. Con đường lĩnh hội tri thức và phát triển giao tiếp của trẻ Điếc thông qua ngôn ngữ kí hiệu**

**2.2.1. Sự tiếp thu ngôn ngữ kí hiệu tự nhiên ở trẻ Điếc**

Khả năng nhận biết ngôn ngữ của con người sớm đã được đặt dưới khả năng kiểm soát riêng biệt của các cơ chế phát triển trong việc nhận thức và tạo ra lời nói (Van der Stelt & Koopmansvan Bienum, 1986). Sau đó, con người có thể nói và viết một ngôn ngữ bằng nhiều cách hoàn toàn khác nhau. Ít ra thì sự khác biệt cơ bản về thời gian, cấu trúc, phương thức hoạt động khác nhau của các tế bào thần kinh bộ não giữa khả

năng nhận thức ngôn ngữ nói và viết đã tạo ra những cách xử lý khác nhau giữa hai ngôn ngữ này. Để làm sâu hơn vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành nhiều nghiên cứu so sánh các trẻ em có được hai ngôn ngữ nói, tiếng Anh và tiếng Pháp và trẻ em có được hai ngôn ngữ viết là NNKH của Mỹ (ASL) và NNKH Quebecoise (LSQ), từ khi sinh ra đến khi 48 tháng tuổi. Các kết quả thực nghiệm từ nghiên cứu phương thức đa ngôn ngữ này cho thấy, sự tương đồng đáng ngạc nhiên về tổng thể thời gian và cấu trúc giữa nhận thức ngôn ngữ nói và viết sớm ở con người.

Nghiên cứu của Petitto (1992) đã chỉ ra điểm tương đồng đáng ngạc nhiên cũng được quan sát thấy ở trẻ em khiếm thính và trẻ em có khả năng nghe trong khoảng thời gian bắt đầu sử dụng cử chỉ. Khả năng nói và viết rất nổi bật ở giai đoạn tiền ngôn ngữ ở trẻ (9 đến 12 tháng) và giống với giai đoạn giao tiếp bằng ngôn ngữ cử chỉ (12 đến 48 tháng tuổi). Trẻ không sử dụng nhiều cử chỉ, mặc dù ngôn ngữ viết (thể hiện bằng chữ) và giao tiếp bằng cử chỉ nằm trong một phương thức tương tự nhau và mặc dù việc ra kí hiệu và giao tiếp bằng cử chỉ có cấu trúc và nội dung tương tự nhau. Thay vào đó, trẻ em khiếm thính luôn phân biệt các kí hiệu ngôn ngữ từ việc giao tiếp bằng cử chỉ trong quá trình phát triển và sử dụng các kí hiệu này tương tự như trẻ em có khả năng nghe bình thường.

Đáng ngạc nhiên nhất là những trẻ em có thể nghe được tiếp xúc riêng với các ngôn ngữ kí hiệu kể từ khi sinh ra cho đến khi lớn hơn mà không tiếp nhận ngôn ngữ nói, hoàn thành tất cả các mốc quan trọng thuộc về ngôn ngữ kí hiệu với một quá trình tương đương như khi chúng tiếp thu ngôn ngữ nói và trẻ em điếc tiếp nhận ngôn ngữ kí hiệu (huấn luyện cất tiếng bập bẹ, các kí hiệu đầu tiên,...). Vậy nên việc tiếp nhận ngôn ngữ thông thường được tìm thấy ở những trẻ em nghe được mặc dù đã kí hiệu mà không sử dụng các cơ chế nhận thức thính giác và ngôn luận cũng như không sử dụng cơ chế motoric (sinh lí học liên quan đến chuyển động cơ bắp) tạo ra lời nói.

Nghiên cứu về quá trình chuyển đổi trẻ điếc từ tiền ngôn ngữ cử chỉ sang các kí hiệu đầu tiên, một lớp học hoạt động bằng tay bao gồm các đơn vị liên quan ngôn ngữ và “như tiếng bập bẹ” khác biệt với tất cả các hoạt động bằng tay khác trong khi “quá trình chuyển đổi” (từ 9 đến 12 tháng) trở nên ngày càng rõ ràng (Petitto, 1984, 1987a, 1987b). Những đứa trẻ điếc vừa bập bẹ vừa sử dụng bàn tay của chúng.

Các kết quả tìm kiếm trong Petitto & Marentette (1991) cho thấy rõ ràng một lớp học riêng biệt hoạt động bằng tay của trẻ em Điếc có cấu trúc tương tự khi trẻ có khả năng nghe phát ra những tiếng bập bẹ. Cũng giống như khi phát ra tiếng bập bẹ, khi tiếng bập bẹ đi liền với hoạt động của tay bao gồm: 1/ Một tổ hợp giới

hạn các đơn vị ngữ âm (là duy nhất đối với NNKH); 2/ Tổ chức âm tiết; 3/ Nó được sử dụng mà không đi liền với ý nghĩa hay nguồn tham khảo. Hoạt động bằng tay này cũng hoàn toàn khác biệt với hoạt động tay nhịp nhàng của tất cả trẻ sơ sinh, bao gồm cả trẻ Điếc lẫn trẻ có khả năng nghe được. Ngay cả cấu trúc của nó cũng hoàn toàn khác biệt với những cử chỉ giao tiếp của trẻ sơ sinh.

### 2.2.2. Phát triển khả năng nhận thức và giao tiếp cho trẻ Điếc thông qua phát triển sớm ngôn ngữ kí hiệu

#### a. Tầm quan trọng của việc phát triển NNKH sớm cho trẻ Điếc

Mặc dù tồn tại sự khác biệt trong phương thức, NNKH và ngôn ngữ nói đạt được trong cách gần như tương tự nhau. Sự khác biệt được quan sát giữa trẻ em tiếp nhận được NNKH so với trẻ em tiếp nhận ngôn ngữ nói không lớn hơn các khác biệt quan sát thấy giữa trẻ em nghe được học một ngôn ngữ nói, nói tiếng Ý so với em khác nói tiếng Phần Lan.

Những phát hiện này tạo ra sự nghi ngờ nghiêm trọng về giả thuyết cốt lõi trong sự tiếp nhận rất sớm ngôn ngữ nói: Sự trưởng thành của các cơ chế cho việc sản xuất và nhận thức ngôn luận độc lập sẽ quyết định thời gian và cấu trúc của sự tiếp nhận ngôn ngữ của con người. Những phát hiện này tiếp tục thách thức các giả thuyết cho rằng, khả năng nói (và âm thanh) là quan trọng cho việc tiếp nhận ngôn ngữ thông thường, chúng cũng thách thức các thuyết liên quan đến khả năng nói là duy nhất phù hợp với nhu cầu trưởng thành của bộ não trong sự phát triển ngôn ngữ cá thể.

Nếu khả năng nói được thần kinh thiết lập hoặc được coi là “đặc quyền” trong sự phát triển sớm bộ não. Ví dụ, trẻ sơ sinh nghe được tiếp xúc với việc nói và sử dụng kí hiệu từ khi sinh ra có thể được mong đợi để thu thập tất cả những phần nhỏ của bài nói khi chúng tiếp xúc môi trường xung quanh. Bắt buộc “lựa chọn” giữa NNKH và ngôn ngữ nói, trẻ sơ sinh trong hoàn cảnh này có thể sẽ quay lại với sự tiếp nhận các kí hiệu, thay vào đó ưu tiên cho việc tiếp nhận ngôn ngữ nói, do đó chúng có thể đạt được các kí hiệu khác nhau (có thể là sau này). Tương tự như vậy, trẻ Điếc và trẻ nghe được tiếp xúc với NNKH từ khi sinh ra nên giải thích các mô hình không bình thường của việc tiếp nhận ngôn ngữ. Không có điều này xảy ra.

Điều đáng chú ý nhất về những phát hiện này là phương thức “chuyển đổi” có thể bị “xê dịch” sau khi sinh liên quan đến việc một đứa trẻ tiếp nhận ngôn ngữ bằng tay hoặc trên lưỡi. Chúng ta đã thấy trẻ em tiếp xúc với NNKH có thể học được chúng như trẻ em tiếp xúc với ngôn ngữ nói lời nói và âm thanh không quan trọng với sự tiếp nhận ngôn ngữ của con người. Thay vào đó, là sự xuất hiện các phương pháp luận sáng tạo

mang tính sinh học về việc nói và kí hiệu - tiếp nhận và tạo ra ngôn ngữ tự nhiên trong sự phát triển của cá thể. Những điều này ám chỉ bộ não con người từ khi sinh ra và cách tiếp nhận ngôn ngữ trong loài của chúng ta. Nghiên cứu của Murray (2020) và các cộng sự chỉ ra rằng: Năm năm đầu đời (gần đúng) của một đứa trẻ là thời điểm quan trọng để phát triển não bộ và hình thành sự trôi chảy của ngôn ngữ thứ nhất. Bằng chứng cho thấy rằng, tình trạng thiếu khả năng ngôn ngữ chứ không phải do mất thính lực là nguyên nhân cơ bản của kết quả giáo dục và ngôn ngữ kém ở người Điếc - có thể dẫn đến việc trẻ Điếc thiếu tiếp xúc NNKH trong giai đoạn phát triển sớm.

Ảnh hưởng của việc thiếu hụt ngôn ngữ có thể thấy ở sự chậm phát triển, rối loạn thiếu chú ý và khó khăn về giao tiếp xã hội đã được tìm thấy ở những người khiếm thính bị chậm tiếp xúc với NNKH.

Thiếu khả năng tiếp xúc ngôn ngữ tối ưu có thể dẫn đến chậm phát triển nhận thức. Điều này bao gồm sự chậm trễ không chỉ trong học tập và phát triển xã hội mà còn trong việc phát triển các kĩ năng nhận thức xã hội cơ bản hơn như lí thuyết về khả năng tâm trí, cho phép trẻ nhận biết các trạng thái tinh thần và nhận thức khác nhau ở những người khác. Các triệu chứng của hội chứng thiếu khả năng ngôn ngữ bao gồm rối loạn ngôn ngữ (không thông thạo ngôn ngữ thứ nhất), lỗ hổng kiến thức chung, sự gián đoạn trong suy nghĩ, tâm trạng và/ hoặc hành vi, cũng như chậm phát triển về học tập và đọc viết. Tình trạng này đại diện cho sự phát triển nhận thức và hành vi không điển hình có thể xảy ra khi việc tiếp xúc ngôn ngữ phát triển sớm bị cản trở.

Nghiên cứu của Melissa (2016) chỉ ra rằng, việc tiếp xúc sớm với NNKH ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ và học tập một cách tích cực của trẻ. Đồng thời, việc tiếp xúc sớm với NNKH sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người Điếc tiếp cận và hòa nhập cộng đồng tốt hơn.

*b. Điều kiện phát triển NNKH sớm cho trẻ Điếc*

Người chăm sóc/cha mẹ nên được học NNKH và ghi danh cho con em của họ vào các chương trình can thiệp sớm bằng NNKH. Bằng chứng chỉ ra rõ ràng rằng, sự phát triển ngôn ngữ thứ nhất - NNKH có thể tiếp cận được thường là điều kiện tiên quyết để trẻ Điếc có thể

hiểu và sử dụng ngôn ngữ nói và viết. Trẻ Điếc được tiếp xúc đầy đủ với NNKH từ sớm có thể đạt được các mốc phát triển phù hợp với lứa tuổi.

Tăng cường tiếp cận giao tiếp cho trẻ Điếc với cha mẹ và bạn bè đồng trang lứa để thúc đẩy phát triển các kĩ năng xã hội, xây dựng mối quan hệ và tình cảm của trẻ. Ở nhiều quốc gia, các nguồn tài nguyên dành cho cha mẹ để học NNKH và cải thiện giao tiếp với con cái của họ được phát triển. Tầm quan trọng của tiếp cận giao tiếp sớm với các thành viên trong gia đình và bạn bè đồng trang lứa có thể được thực hiện thông qua các hoạt động sinh hoạt hàng ngày, đặc biệt là trong các bữa ăn. Việc thiếu hụt tiếp cận giao tiếp với bạn bè đồng trang lứa và các thành viên trong gia đình có thể là một yếu tố ảnh hưởng đến các vấn đề sức khỏe tâm thần sau của trẻ này. Do vậy, cha mẹ/người chăm sóc cần được khuyến khích tiếp cận các nguồn học liệu NNKH để thúc đẩy việc sử dụng NNKH ở nhà, tăng cường giao tiếp hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển lâu dài về mặt xã hội của trẻ Điếc.

**3. Kết luận**

NNKH là ngôn ngữ thứ nhất của cộng đồng người Điếc. Nó có chức năng như những ngôn ngữ khác, có đặc điểm và đặc trưng ngữ pháp riêng. Sự tiếp thu NNKH ở trẻ nhỏ diễn ra không khác gì quy luật phát triển ngôn ngữ nói ở trẻ nghe. Trẻ Điếc được tiếp xúc sớm với NNKH là điều kiện cần thiết quan trọng để phát triển khả năng ngôn ngữ, nhận thức và các kĩ năng xã hội. Việc tiếp cận với sớm với NNKH không chỉ thúc đẩy khả năng học tập tích cực mà còn giúp trẻ có sự phát triển ổn định về sức khỏe tinh thần sau này, tăng cường cơ hội để trẻ tiếp cận và hòa nhập cộng đồng một cách hiệu quả. Để thúc đẩy sự phát triển sớm NNKH ở trẻ Điếc thì cha mẹ/người chăm sóc cần được khuyến khích tiếp cận đa dạng các nguồn học liệu NNKH để học và giao tiếp với trẻ một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, cần chú trọng tạo cơ hội cho trẻ được tiếp cận và giao tiếp với các bạn cùng trang lứa. Cha mẹ/người chăm sóc có thể thúc đẩy sự phát triển NNKH của trẻ thông qua các hoạt động sinh hoạt hàng ngày và các bữa ăn trong gia đình.

**Tài liệu tham khảo**

[1] Vương Hồng Tâm và cộng sự, (2017), *Nghiên cứu và đề xuất mô hình giáo dục trẻ Điếc theo hướng tiếp cận ngôn ngữ kí hiệu*, Nhiệm vụ cấp Bộ B2014-37-34.  
 [2] Trần Thị Thiệp - Vương Hồng Tâm - Bùi Thị Anh Phương - Nguyễn Thị Cẩm Hoàng, (2015), *Giáo trình Ngôn ngữ kí hiệu thực hành*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.  
 [3] Unicef Việt Nam và Tổng cục Thống kê, (2018), *Trẻ em khuyết tật ở Việt Nam*.  
 [4] Koopmans-van Beinum, F.J. & Van der Stelt, J.M.:

*Early Stages in the Development of Speech Movements*, In: B. Lindblom & R. Zetterström, *Precursors of Early Speech*, Stockton Press, New York, pp. 37-50.  
 [5] Petitto, L. A., (1992), *Modularity and constraints in early lexical acquisition: Evidence from children's first words/signs and gestures*, In M. Gunnar & M. Maratsos (Eds.) *Modularity and constraints in language and cognition: The Minnesota Symposia on Child Psychology*, Hillsdale, N.J.: Lawrence Erlbaum Associates, 25-58.

- [6] Petitto, L. A., (1984), *From gesture to symbol: The relationship between form and meaning in the acquisition of personal pronouns in American Sign Language*, Doctoral dissertation, Department of Human Development and Psychology, Harvard University, Cambridge, MA., U. S. A.
- [7] Petitto, L. A. (1987a), *On the autonomy of language and gesture: Evidence from the acquisition of personal pronouns in American Sign Language*, *Cognition*, 27:1. 1-52.
- [8] Petitto, L. A., (1987b), "Theoretical and methodological issues in the study of sign language babbling: Preliminary evidence from American Sign Language (ASL) and Langue des Signes Québécoise (LSQ)." *Fourth International Symposium on Sign Language Research*, Lappeenranta, Finland, July 15-19.
- [9] Petitto, L. A. & Marentette, P., (1991a), *Babbling in the manual mode: Evidence for the ontogeny of language*, *Science*, 251, 1483-1496.
- [10] Melissa Angus Baboun, (2016), *The Importance of early sign language acquisition for d/Deaf children*, University of Puerto Rico at Rio Piedras.
- [11] Murray, Joseph J. PhD; Hall, Wyatt C. PhD; Snoddon, Kristin PhD, (2020), *The Importance of Signed Languages for Deaf Children and Their Families*, *The Hearing Journal*: March 2020 - Volume 73 - Issue 3 - p 30,32; doi: 10.1097/01.HJ.0000657988.24659.f3.
- [12] WHO, (2021), *World report on hearing*.

## SIGN LANGUAGE: AN OPTIMAL PATH TO ACQUIRE KNOWLEDGE AND MEANS OF COMMUNICATION FOR THE DEAF

Pham Thi Trang<sup>1</sup>, Le Van Tac<sup>2</sup>,  
Do Long Giang<sup>3</sup>, Le Tuan Duc<sup>4</sup>,  
Nguyen Thi Bich Trang<sup>5</sup>, Le Thi To Uyen<sup>6</sup>

<sup>1</sup> Email: trangpt@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: taclv@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: giangdl@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> Email: duclt@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: trangntb@vnies.edu.vn

<sup>6</sup> Email: uyenlitt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *On the basis of an overview on sign language, the role of sign language in the process of knowledge acquisition and communication of the deaf children as well as conditions for early sign language development for the deaf children, sign language is considered as the mother tongue, the first language of the deaf people, and the most suitable language means for the deaf people to communicate and learn effectively. If the deaf children are provided with early access to sign language in different communication and learning environments, they will have the opportunity to fully receive input language, which will promote their language development, ability active and effective learning, and enhance the opportunity to integrate into the community.*

**KEYWORDS:** Sign language, deaf, developing sign language.